

Số: 3159 /BC-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện năm 2025

*(Báo cáo tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 HĐND tỉnh khoá XVII,
nhiệm kỳ 2021-2026)*

Năm 2024 là năm thứ 3 thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách (giai đoạn 2022-2025) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đồng thời là năm thứ 4 tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025, các kế hoạch 5 năm thực hiện nội dung, chương trình theo nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Đồng thời là năm tiếp tục đẩy mạnh việc phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19 và là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh và quyết tâm hoàn thành cao nhất các mục tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao.

Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều thời cơ, môi trường kinh doanh tương đối ổn định tạo điều kiện thuận lợi để các ngành, lĩnh vực phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen như áp lực lạm phát, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong một số lĩnh vực còn khó khăn; tình hình an ninh trật tự tại một số địa bàn vẫn còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định; thiên tai, hạn hán, dịch bệnh, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường. Đặc biệt sự đổ bộ của Bão số 3 (Yagi) là siêu bão với cường độ rất mạnh, sức tàn phá lớn, hoàn lưu bão đã gây thiệt hại lớn về người, tài sản, hoa màu và các cơ sở hạ tầng quan trọng trên địa bàn tỉnh. Đây là những yếu tố đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trước yêu cầu giải quyết các vấn đề mới, đột xuất, cấp bách do thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội địa phương đặt ra. Tỉnh ủy, HĐND và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành linh hoạt, sáng tạo, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, nhất là thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Trung ương, của Tỉnh. Trong đó tập trung thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thực hiện Nghị

quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; 03 chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Chương trình mục tiêu quốc gia và các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh.

Cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân, các cấp các ngành đã chủ động, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ giải pháp đã đề ra, đảm bảo cân đối ngân sách, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và đời sống nhân dân.

Trên cơ sở nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện dự toán NSNN năm 2025 như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

UBND tỉnh đã chỉ đạo nhiệm vụ thu, chi NSNN quyết liệt ngay từ đầu năm. rà soát các nguồn thu, phân đầu tăng thu ở các lĩnh vực, địa chỉ thu để bù đắp số giảm thu do thực hiện các chính sách miễn giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất. Công tác quản lý chi NSNN chặt chẽ trong phạm vi dự toán, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên. Kết quả đạt được như sau:

1. Kết quả thu ngân sách nhà nước

Năm 2024, dự toán tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được giao như sau:

- Trung ương giao tại Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ là 1.768,5 tỷ đồng, trong đó:

+ Thu nội địa là 1.188,5 tỷ đồng.

+ Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 580 tỷ đồng.

- HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 là: 1.918 tỷ đồng, trong đó:

+ Thu nội địa là 1.318 tỷ đồng (trong đó: thu tiền sử dụng đất 218,5 tỷ đồng).

+ Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 600 tỷ đồng.

1.1. Thực hiện đến 31/10/2024: tổng thu ngân sách trên địa bàn 2.090,47 tỷ đồng, trong đó:

- Thu nội địa 1.223,692 tỷ đồng, bằng 75% dự toán TW giao, bằng 93% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2023. Số thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, xỏ số đạt 1.124,575 tỷ đồng, bằng 123% so với dự toán TW, bằng

110% so với dự toán HĐND tỉnh, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2023.

Thu cân đối 1.000,142 tỷ đồng, bằng 102% dự toán TW giao, bằng 91% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2023. Thu cân đối không bao gồm tiền đất, xổ số là 1.000,142 tỷ đồng, bằng 116% dự toán TW giao, bằng 103% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 36% so với cùng kỳ 2023.

- Thu xuất nhập khẩu được 835,377 tỷ đồng, bằng 144% dự toán TW giao, bằng 139% dự toán HĐND giao, bằng 131% so với cùng kỳ năm 2023.

1.2. Ước thực hiện đến 31/12/2024: tổng thu ngân sách trên địa bàn 2.292 tỷ đồng, trong đó:

- Thu nội địa 1.410,6 tỷ đồng, bằng 118,7% dự toán TW giao, bằng 107% dự toán HĐND giao, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó: thu cân đối 1.262,294 tỷ đồng, bằng 117% dự toán TW giao, bằng 105% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu cân đối không bao gồm tiền đất, xổ số là 1.081,764 tỷ đồng, bằng 125% dự toán TW giao, bằng 111% dự toán HĐND tỉnh giao.

Ước thực hiện thu cân đối so với dự toán HĐND, UBND tỉnh có 13/18 khoản thu hoàn thành và hoàn thành vượt dự toán: thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 267%); thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (đạt 127%); thuế thu nhập cá nhân (110%); thu thuế bảo vệ môi trường (đạt 106%); thu từ lệ phí trước bạ (đạt 116%); thu phí, lệ phí (đạt 121%); thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đạt 114%); thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (100%); thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (108%); thu cấp quyền khai thác khoáng sản (163%); thu khác ngân sách (313%); thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản (101%); thu từ lợi nhuận được chia và LNST còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (đạt 129%).

Có 5/18 khoản thu đạt thấp: thu từ DNNN do trung ương quản lý (đạt 70%); thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (82%); tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (đạt 77%); đạt thu tiền sử dụng đất (76%); thu hồi vốn, thu cổ tức (47%).

- Thu xuất nhập khẩu 850 tỷ đồng, bằng 147% dự toán TW giao, bằng 142% dự toán HĐND giao, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2023.

(Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

1.3. Thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thành phố thực hiện đến 31/10/2024 là 645,407 tỷ đồng bằng 94% dự toán giao, các huyện đạt từ 71% đến 147%, thu cân đối từ 73% đến 120%.

- Thu ngân sách trên địa bàn các huyện, thành phố ước thực hiện đến 31/12/2024 là 733,672 tỷ đồng, bằng 108% dự toán giao.

Trong đó, so với dự toán được giao, thu trên địa bàn huyện Hà Quảng đạt cao nhất 155%, huyện Hạ Lang thấp nhất 90%; thu cân đối huyện Quảng Hoà cao nhất đạt 129%, huyện Hạ Lang thấp nhất 96%.

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

1.4. Kết quả thực hiện dự toán một số khoản thu, sắc thuế chủ yếu

- Khu vực Doanh nghiệp Nhà nước trung ương: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 92,9 tỷ đồng, bằng 66,4% dự toán pháp lệnh, bằng 65,0% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 102,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu từ khu vực doanh nghiệp trung ương ước tăng so với cùng kỳ 2023 là do một số doanh nghiệp trọng điểm phát sinh số nộp tăng như: Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng...

- Khu vực Doanh nghiệp Nhà nước địa phương: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 55,6 tỷ đồng, bằng 79,5% dự toán pháp lệnh, bằng 75,7% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 119,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu tăng so với cùng kỳ do số nộp của một số doanh nghiệp trọng điểm tăng như: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Đường Bộ Cao Bằng, Công ty Cổ phần sản xuất Vật liệu xây dựng Cao Bằng...

- Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 1,15 tỷ đồng, bằng 288,4% dự toán pháp lệnh, bằng 256,3% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 265,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu tăng so với cùng kỳ do phát sinh số nộp của Công ty TNHH Ác quy Green Cao Bằng – cùng kỳ không phát sinh.

- Khu vực Công thương nghiệp và dịch vụ NQD: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 472,4 tỷ đồng, bằng 136,9% dự toán pháp lệnh, bằng 115,8% dự toán HĐND, UBND tỉnh, tăng 88,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu tăng cao so với cùng kỳ do số nộp của một số đơn vị tăng như: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (gồm thu phát sinh và thu bổ sung của năm 2023), số phát sinh nộp của một số đơn vị sản xuất thủy điện tăng (Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Thuận...)

- Thuế thu nhập cá nhân: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 72,4 tỷ đồng, bằng 109,6% dự toán pháp lệnh, bằng 104,1% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 116,1% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu tăng so với cùng kỳ do số thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công tăng.

- Thuế Bảo vệ môi trường: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 70,5 tỷ đồng, bằng 88,1% dự toán pháp lệnh, bằng 88,1% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 122,2% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu lệ phí trước bạ: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 76,7 tỷ đồng, bằng 118,0% dự toán pháp lệnh, bằng 118,0% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 142,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu tăng chủ yếu do tăng thu từ lệ phí trước bạ xe ô tô.

- Phí, lệ phí: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 100,3 tỷ đồng, bằng 151,9% dự toán pháp lệnh, bằng 114,5% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 145% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu phí, lệ phí tăng cao so với cùng kỳ chủ yếu từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại của một số đơn vị tăng như: Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát, Công ty Cổ phần Cân Hà...

- Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 21,9 tỷ đồng, bằng 62,7% dự toán pháp lệnh, bằng 52,4% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 48,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu tiền thuê đất, thuê mặt nước giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng bởi chính sách (giảm 30% tiền thuê đất năm 2023 và gia hạn tiền thuê đất năm 2024) và giảm thu của đơn vị trong năm 2023 nộp truy thu giai đoạn trước (Công ty Cổ phần Gang Thép Cao Bằng).

- Thu tiền sử dụng đất: 10 tháng đầu năm 2023 thu đạt 84,9 tỷ đồng, bằng 42,4% dự toán pháp lệnh, bằng 38,8% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 146,1% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước: 10 tháng đầu năm 2024 đạt 50,9 tỷ đồng, bằng 123,6% dự toán pháp lệnh, bằng 113,7% dự toán HĐND, UBND tỉnh, bằng 44,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Số thu tiền thuê đất, thuê mặt nước giảm so với cùng kỳ do giảm thu của một số đơn vị nộp nợ những năm trước chuyển sang trong năm 2023 (Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản Hối Thăng, Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Bảo Lâm).

- Đối với lĩnh vực thu thuế xuất nhập khẩu: Số thu đến 31/10/2024 trên địa bàn tỉnh là 835,69 tỷ đồng, đạt 144% dự toán TW giao, đạt 139% dự toán HĐND giao; tăng 31% so với cùng kỳ năm trước do các doanh nghiệp trong nước đã phục hồi sản xuất, tình hình mua bán hàng hoá (các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất) tăng, vì vậy lưu lượng hàng hoá xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu thuộc tỉnh Cao Bằng tăng. Một số dự án đã thực hiện khởi động và nhập khẩu máy móc thiết bị để lắp ráp phục vụ sản xuất. Tuy nhiên số thu ngân sách trên địa bàn tỉnh mặt hàng ô tô các loại nhập khẩu vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng thu ngân sách (chiếm 50,3%), so với cùng kỳ năm 2023 tăng 17%.

Các mặt hàng có số thu cao: ô tô các loại: 420,69 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2023; than cốc và than khác: 16,75 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2023; vải: 39,64 tỷ đồng, giảm 32% so với cùng kỳ năm 2023; Máy móc thiết bị: 20,14 tỷ đồng, tăng 249% so với cùng kỳ năm 2023; hàng tạp hoá: 17,92 tỷ đồng, tăng 96% so với cùng kỳ năm 2023; tinh quặng Niken: 267,68 tỷ đồng, tăng 444% với cùng kỳ năm 2023; ván gỗ bóc: 4,45 tỷ đồng, giảm 68% so với cùng kỳ năm 2023; chì thỏi: 29,15 tỷ đồng, tăng 108% so với cùng kỳ năm 2023; một số mặt hàng khác tuy có số thu tăng/giảm so với năm 2023 nhưng do kim ngạch thấp nên có tác động không đáng kể đến tình hình thu ngân sách năm 2024.

2. Về chi ngân sách địa phương

- Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện đến 31/10/2024 là 7.813,336 tỷ đồng, đạt 58,6% so với dự toán TW giao, 58% so với dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó: chi đầu tư phát triển (không bao gồm giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024) là 1.976,312 tỷ đồng, đạt 55,2% dự toán TW giao, 55,2% dự toán HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp là 5.831,969 tỷ đồng, đạt 61% dự toán TW giao, đạt 61% dự toán HĐND tỉnh giao.

- Ước thực hiện chi ngân sách địa phương đến 31/12/2024 là 14.512 tỷ đồng, so với dự toán TW giao đạt 109%, so với dự toán HĐND tỉnh giao đạt 108%, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 (không bao gồm giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024) là 4.452,132 tỷ đồng, đạt 95% theo dự toán TW giao; đạt 95% theo Nghị quyết đầu tư công HĐND tỉnh giao.

+ Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp: 9.865,346 tỷ đồng, đạt 103% dự toán TW giao, đạt 103% dự toán HĐND tỉnh giao.

3. Đánh giá một số nội dung chủ yếu

3.1. Thu ngân sách nhà nước

- Công tác quản lý điều hành thu ngân sách: Các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Thông tư 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Thực hiện triển khai các văn bản về chính sách, chế độ thu NSNN trên địa bàn, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của UBND tỉnh liên quan đến thu ngân sách như Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024.... Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị tổ chức triển khai kịp thời các văn bản pháp luật về thuế mới, sửa đổi, bổ sung như: Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 ngày 18/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn; Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội; Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 3/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2023....; các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được thực hiện ban hành kịp thời như: Quyết định quy định về giá tính thuế tài

nguyên hàng năm; Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 96/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định bãi bỏ Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quyết định quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Quy định điều chỉnh Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ...

Chỉ đạo cơ quan thu rà soát các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh, đưa vào quản lý thuế; ban hành kịp thời thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước năm 2024; đôn đốc kê khai, quyết toán thuế, nộp các loại thuế vào Ngân sách nhà nước đúng thời gian quy định; ban hành thông báo giá các loại phương tiện chưa có trong bảng giá và nhập vào ứng dụng để thu Lệ phí trước bạ kịp thời; phối hợp với các sở ban ngành liên quan ban hành kịp thời các thông báo đơn giá tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước theo đúng quy định.

Thực hiện tốt công tác theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán thu thuế; ước thu Ngân sách Nhà nước, dự báo các nhân tố tác động tăng, giảm đến nguồn thu sát, đúng với thực tế, từ đó có biện pháp quản lý thuế, phí, lệ phí phù hợp hoặc có biện pháp phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan để quản lý thu thuế.

- Kết quả phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác quản lý thu: thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý thu ngân sách, thường xuyên phối hợp với cơ quan thu để tăng cường quản lý người nộp thuế, khơi thông nguồn thu ngân sách, đôn đốc thu thuế phát sinh và thu hồi nợ đọng vào ngân sách nhà nước, thực hiện hạch toán nguồn thu vào ngân sách nhà nước đúng quy định.

Cơ quan quản lý thu thực hiện tốt công tác theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán thu thuế; ước thu Ngân sách Nhà nước, dự báo các nhân tố tác động tăng, giảm đến nguồn thu sát với thực tế, từ đó có biện pháp quản lý thuế, phí, lệ phí phù hợp hoặc có biện pháp phối hợp giữa các cấp, các ngành để quản lý thu thuế.

Các sở, ban, ngành tổ chức triển khai, phối hợp kịp thời, đúng quy định các chính sách thuế, phí và lệ phí. Công tác rà soát, xây dựng và theo dõi tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật được đầy mạnh. Rà soát các thủ tục hành chính; tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan thuế thực hiện tự kiểm tra về thi hành chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách thuế mới, sửa đổi, bổ sung có hiệu lực từ ngày 01/01/2024; triển khai các nội dung về lệ phí môn bài, các thủ tục khai thuế đối với các hộ kinh doanh ngay từ đầu năm; tuyên truyền hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền, chương trình “Hóa đơn may mắn”, ứng dụng thuế điện tử trên thiết bị di

động (Etax Mobile); hướng dẫn cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện quyết toán thuế năm 2023; tiếp nhận đơn đề nghị đăng ký sử dụng Hoá đơn điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ; triển khai chuẩn hóa mã số thuế cá nhân đáp ứng việc chuyển đổi số Quốc gia theo Đề án 06.

Thực hiện hỗ trợ cho người nộp thuế quyết toán thuế và thủ tục hành chính thuế chủ yếu qua các hình thức: trực tiếp tại bộ phận một cửa của cơ quan thuế, ứng dụng TeamViewer, UltraViewer, điện thoại trực tiếp cho người nộp thuế, giải đáp bằng văn bản cho người nộp thuế, hỗ trợ qua Zalo, Youtube, Fanpage.

Tiếp tục phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Cao Bằng phát sóng chuyên mục “Chính sách thuế và cuộc sống” để tuyên truyền sâu rộng các chính sách thuế mới giúp người nộp thuế nắm bắt kịp thời; qua đó nhằm giảm tình trạng vi phạm pháp luật thuế do thiếu hiểu biết, từng bước nâng cao tính tự giác, tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- Công tác kê khai và kê toán thuế: quản lý chặt chẽ mã số thuế, tình hình biến động, tạm dừng hoạt động, giải thể, phá sản của người nộp thuế thông qua việc thực hiện tốt công tác phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh để trao đổi thông tin, kiểm soát việc đăng ký thuế.

Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát kê khai thuế của người nộp thuế ngay từ đầu năm, tập trung kiểm tra các hồ sơ khai thuế có sự mâu thuẫn, những lĩnh vực kinh doanh có dấu hiệu tiềm ẩn kê khai không đủ thuế để chủ động đôn đốc doanh nghiệp nộp sát đúng với thực tế phát sinh. Kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định về kê khai thuế. Cập nhật xử lý kịp thời hồ sơ khai thuế vào hệ thống quản lý thuế, đảm bảo kiểm tra sơ bộ 100% hồ sơ khai thuế.

Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, đảm bảo việc hoàn thuế đúng đối tượng, đúng chính sách pháp luật thuế của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kê khai, cấp mã số thuế; đôn đốc nộp, xử lý các loại hồ sơ khai thuế đúng quy định. Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử.

- Công tác kiểm tra, thanh tra thuế: Chỉ đạo triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra ngay từ đầu năm, tập trung bố trí lực lượng cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra; phối hợp đôn đốc các đơn vị, doanh nghiệp được kiểm toán nhà nước, thanh tra thực hiện nghiêm các kiến nghị, kết luận đã ban hành.

- Tổ chức triển khai và thực hiện tốt cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa; tiếp tục thực hiện triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn về chính sách, chế độ, quy trình nghiệp vụ hải quan, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thủ tục quản lý thuế, như: Chỉ thị số 7180/CT-TCHQ của Tổng cục Hải quan về việc chấn chỉnh và tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan trong toàn quốc và kế hoạch kiểm tra sau thông quan đã được phê duyệt. Tập trung thu thập và phân tích thông tin để đề xuất kiểm tra sau thông quan đối với những doanh nghiệp có dấu hiệu nghi vấn, đến ngày

31/10/2024 đã thực hiện 04 cuộc kiểm tra.

- Công tác điều tra chống buôn lậu: tăng cường công tác tuần tra kiểm soát chặt chẽ khu vực trong và ngoài địa bàn quản lý, đặc biệt là các địa điểm, khu vực có đường mòn, lối tắt vào khu vực hàng rào biên giới giữa hai nước, vì vậy đã cơ bản kiểm soát được tình hình buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; bên cạnh đó các đơn vị thường xuyên chủ động thu thập thông tin, phối hợp với các lực lượng chức năng thực hiện công tác phòng chống, đấu tranh với các hành vi vi phạm theo quy định.

Tình hình hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới trên địa bàn tỉnh trong 10 tháng đầu năm 2024 tại một số nơi trong địa bàn hoạt động hải quan và ngoài khu vực địa bàn hoạt động hải quan diễn ra nhỏ, lẻ, không có vụ việc nổi cộm; các mặt hàng nhập lậu chủ yếu như: thuốc lá điện tử, thực phẩm đông lạnh... Kết quả thực hiện đến 31/10/2024 đã xử lý 144 vụ vi phạm, tổng số tiền nộp phạt là 301,95 triệu đồng, trong đó: 116 vụ vi phạm về kiểm soát hải quan, 28 vụ vi phạm về thủ tục hải quan.

- Công tác quản lý nợ, cưỡng chế và xử lý nợ đọng thuế: chỉ đạo các ngành chức năng nghiêm túc triển khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả công tác đôn đốc và thu hồi nợ thuế vào Ngân sách nhà nước, nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch số 843/KH-BCĐ ngày 09/4/2024 của Ban Chỉ đạo chống thất thu ngân sách và đôn đốc thu hồi nợ đọng tỉnh Cao Bằng về việc thu ngân sách nhà nước, chống thất thu ngân sách và đôn đốc thu hồi thuế nợ đọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024, Công văn số 1628/UBND-TH ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác quản lý thuế trên địa bàn tỉnh. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả của Ban Chỉ đạo chống thất thu ngân sách và đôn đốc thu hồi thuế nợ đọng trên địa bàn, ban hành các Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 21/3/2024; Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng tỉnh Cao Bằng; tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện việc tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong triển khai Đề án 06; đẩy mạnh kết nối chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ đạo cơ quan thu thực hiện đánh giá năng lực tài chính, xác định thời gian, lộ trình nộp thuế, kiện toàn hồ sơ để áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định, đồng thời yêu cầu NNT phải có kế hoạch cam kết thực hiện nộp thuế. Nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và có biện pháp đề xuất tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho NNT, góp phần tạo nguồn thu ổn định vào NSNN. Tập trung thu hồi, xử lý nợ đọng thuế, thực hiện hiệu quả khoanh nợ tiền thuế, xoá nợ tiền phạt, tiền chậm nộp theo quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Quyết liệt thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ đọng, cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy trình, phấn đấu giảm thuế nợ ngay từ những tháng đầu năm. Ước đến hết tháng 10/2024, ban hành trên 216.000 lượt thông báo tiền thuế nợ, ban hành 1.396 quyết định cưỡng chế bằng biện pháp Trích tiền từ tài khoản,

phong toả tài khoản của NNT, ban hành 81 Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn; thực hiện công khai thông tin 1.468 lượt; ban hành 71 thông báo tạm hoãn xuất cảnh. Cơ quan thuế phối hợp với các ngành liên quan tổ chức làm việc trực tiếp với người nộp thuế nợ thuế lớn trên địa bàn tỉnh để đôn đốc thu hồi tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước.

Công khai thông tin nợ đọng thuế trên Trang thông tin điện tử Cục Thuế, Đài Phát thanh truyền hình Cao Bằng, Báo Cao Bằng; chỉ đạo các cơ quan liên quan tích cực phối hợp với cơ quan Thuế để quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế. Kết quả thông qua các biện pháp thu nợ, số tiền thuế nội địa nợ đến hết tháng 10/2024 thu được 501 tỷ đồng, trong đó: thu nợ thuế năm 2023 chuyển sang là 33 tỷ đồng, thu nợ phát sinh trong năm 2024 là 468 tỷ đồng. Số tiền thuế nội địa nợ đến ngày 31/10/2024 là 152 tỷ đồng, trong đó: nợ khó thu là 49 tỷ đồng; nợ có khả năng thu là 87 tỷ đồng; nợ đang chờ xử lý là 16,5 tỷ đồng. Ước nợ đến 31/12/2024 là 122 tỷ đồng.

Nợ quá hạn đã được phân loại là nợ khó thu do các doanh nghiệp nợ thuế đã dừng hoạt động không còn kinh doanh và hoạt động tại nơi đăng ký theo quyết định tại Cục Hải quan tỉnh là 1,336 tỷ đồng.

** Một số hạn chế, khó khăn trong công tác thu ngân sách 10 tháng năm 2024:*

Tiến độ thu ngân sách toàn tỉnh 10 tháng đầu năm 2024 tương đối tốt, tuy nhiên một số khoản thu chưa đạt mục tiêu đề ra, một số nguồn thu giảm so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Thực hiện thu NSNN trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội được dự báo tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức lớn. Bên cạnh đó, các chính sách miễn, giảm thuế ban hành trong năm 2023 vẫn còn ảnh hưởng đến nguồn thu năm 2024, đồng thời để nền kinh tế tiếp tục phục hồi và phát triển, các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, nhất là kích thích nền kinh tế dự kiến tiếp tục được triển khai, trong đó có việc thực hiện các chính sách miễn giảm, gia hạn nộp thuế, phí và lệ phí. Các yếu tố trên sẽ ảnh hưởng đến kết quả thu ngân sách và tiến độ thu từng quý trong năm.

- Các chính sách miễn, giảm thuế ban hành trong năm 2023 vẫn còn ảnh hưởng đến nguồn thu năm 2024 như: (1) Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội, trong đó giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (*trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại các Phụ lục đính kèm Nghị định*), có hiệu lực từ 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, đã tác động giảm thu ngân sách nhà nước từ thuế giá trị gia tăng kỳ tính thuế tháng 12/2023, quý IV/2023, kê khai, nộp thuế trong tháng 01/2024; (2) Nghị quyết 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn đã tác động giảm thu ngân sách nhà nước từ thuế bảo vệ môi trường kỳ tính thuế tháng 12/2023, kê khai, nộp thuế trong tháng 01/2024; (3) Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 3/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2023, giảm 30% số tiền thuê đất, thuê mặt nước của

năm 2023 (*thời gian nhận hồ sơ giảm tiền thuê đất từ 20/11/2023 đến 31/3/2024*) đã tác động giảm thu ngân sách nhà nước từ tiền thuê đất, thuê mặt nước trong năm 2024.

- Các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế mới có hiệu lực trong năm 2024 như: (1) Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15 ngày 18/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn) áp dụng từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 đã tác động giảm thu ngân sách nhà nước từ thuế bảo vệ môi trường; (2) Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 của Quốc hội trong đó giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại các phụ lục đính kèm Nghị định), có hiệu lực từ 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024, đã tác động giảm thu ngân sách nhà nước từ thuế giá trị gia tăng; (3) Nghị định số 109/2024/NĐ-CP ngày 29/8/2024 của Chính phủ về giảm LPTB đối với xe ô tô sản xuất trong nước: mức thu LPTB lần đầu đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước bằng 50% mức thu quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ về LPTB (áp dụng từ 01/09/2024 đến 30/11/2024).

- Nền kinh tế tỉnh phát triển chưa mạnh nên nguồn thu chưa bền vững, các doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong khai thác khoáng sản, xây dựng cơ bản, phụ thuộc vào các yếu tố như trữ lượng quặng khai thác, giấy phép khai thác, phụ thuộc vào vốn đầu tư công.

- Nguồn thu trên địa bàn còn nhỏ, lẻ, chưa ổn định. Nhiều doanh nghiệp hoạt động khoáng sản gặp khó khăn chưa hồi phục được hoặc do trữ lượng quặng tại mỏ khoáng sản đã dần cạn kiệt, 1 số mỏ đã hết hạn giấy phép khai thác.

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm ảnh hưởng đến kết quả thu thuế trong lĩnh vực xây dựng cơ bản.

- Số thu từ tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đạt thấp so với dự toán. Theo kế hoạch thu ngân sách từ đất, tài sản gắn liền với đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 và Quyết định phê duyệt bổ sung số 841/QĐ-UBND ngày 09/7/2024, số 940/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng, số 1323/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng gồm 49 địa chỉ đấu giá với tổng số tiền dự kiến đưa ra đấu giá là 883,8 tỷ đồng.

Đến 31/10/2024 đã tổ chức đấu giá đối với 04/49 địa chỉ đấu giá, trong đó có 03/49 địa chỉ đấu giá thành công với tổng số tiền trúng đấu giá là 9.671 triệu đồng. Trong đó: đấu giá thành công 01 cơ sở nhà, đất với số tiền trúng đấu giá 2.981 triệu đồng (*Trụ sở UBND thị trấn Quảng Uyên (cũ)*); 02 địa chỉ đất tổng số tiền thu được là 6.690 triệu đồng (*01 lô đất tại thuộc Khu tái định cư Trường Cao đẳng sư phạm, phường Đề thám; và 13 lô đất tại Khu tái định cư 2 Duyệt Trung, phường Duyệt Trung, thành phố Cao bằng*)

Nguyên nhân đạt kết quả thấp so với dự kiến:

(1) Đối với các địa chỉ đất giao UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện đấu giá: do tình hình thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay trầm lắng, có những địa chỉ đã tổ chức đấu giá nhưng không có hồ sơ.

(2) Đối với các địa chỉ bán đấu giá thu từ đất, tài sản gắn liền với đất: do một số cơ sở nhà, đất cần tiếp tục hoàn thiện lại hồ sơ tài sản nhà, đất trước khi thực hiện bán đấu giá theo quy định để phù hợp với kế hoạch thu từ đất và tài sản gắn liền với đất năm 2024, kế hoạch sử dụng đất năm 2024; công tác điều chỉnh quy hoạch cần thực hiện nhiều trình tự, thủ tục, đặc biệt cần xin ý kiến của cộng đồng dân cư, cần nhiều thời gian thực hiện, ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện bán đấu giá; một số đơn vị thực hiện đo đạc, hoàn thiện hồ sơ tài sản để trình UBND tỉnh ban hành Quyết định bán đấu giá cơ sở nhà, đất còn chậm, chưa đảm bảo thời gian theo kế hoạch. Hồ sơ đề nghị thẩm định giá của một số đơn vị chưa đảm bảo theo quy định hiện hành dẫn đến phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần.

Chính phủ ban hành Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công. Để đảm bảo sự phù hợp, tuân thủ pháp luật mới ban hành, hoàn thành việc tổ chức đấu giá các cơ sở nhà, đất theo Kế hoạch thu từ đất, tài sản gắn liền với đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thì UBND tỉnh phải điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với các cơ sở nhà, đất thuộc Kế hoạch thu từ đất và tài sản gắn liền với đất năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP; đồng thời Nghị định 114/2024/NĐ-CP quy định việc xác định giá đất làm giá khởi điểm để bán trụ sở làm việc được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối với tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định. Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất trình kỳ họp thường lệ tháng 12/2024, sau khi thông qua thì các đơn vị thực hiện tổ chức bán đấu giá cơ sở nhà, đất theo pháp luật tài sản công; một số danh mục địa chỉ đất đưa vào kế hoạch đấu giá trong năm nhưng chưa có quy định của nhà nước về cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất đối với trường hợp sử dụng đất thương mại, dịch vụ khác ngoài mục đích để hoạt động du lịch, kinh doanh văn phòng nên chưa có cơ sở phê duyệt phương án đấu giá đối với các địa chỉ đất.

3.2. Về công tác chi NSNN

- Trên cơ sở dự toán chi ngân sách địa phương đã được HĐND tỉnh quyết định, căn cứ các quy định của Luật NSNN, hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2024 của Bộ Tài chính, chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn triển khai thực hiện dự toán năm 2024 ngay từ cuối năm 2023. Đôn đốc kiểm tra các cơ quan đơn vị dự toán, các huyện thành phố phân bổ và giao dự toán NSNN theo đúng quy định. Căn cứ tiến độ thu ngân sách thực tế, với các giải pháp điều hành linh hoạt, hợp lý chi ngân sách địa phương cơ bản thực hiện đúng tiến độ theo dự toán đầu năm. Đảm bảo nguồn kinh phí cho thực hiện các chính sách an sinh xã

hội, các nhiệm vụ chỉ cho bộ máy quản lý hành chính, nhà nước, đảng đoàn thể, chỉ cho con người, chỉ an ninh, quốc phòng cơ bản đáp ứng kịp thời. Đáp ứng nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất cấp bách, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Đề án hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Nghị quyết số 64/2022/NQ-HĐND; nguồn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND về hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà văn hóa xóm, tổ dân phố; Đề án số 02 về nghiên cứu, biên soạn và xuất bản các ấn phẩm lịch sử đảng bộ địa phương lịch sử truyền thống ngành giai đoạn 2021-2025; Đề án số 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết quy định chi tiết Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng huyện Hà Quảng; diễn tập tình huống chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cấp tỉnh; Tổ chức Hội nghị quốc tế lần thứ 8 của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2024 tại Cao Bằng...

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chỉ đạo của Trung ương về nhiệm vụ tài chính, ngân sách năm 2024, như: triển khai thực hiện Công điện số 85/CE-TTg ngày 02/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước; triển khai Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 03/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 132/2024/QH15 ngày 24/6/2024 của Quốc hội về bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022; chỉ đạo cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện Công văn số 3369/BTC-NSNN ngày 29/3/2024 của Bộ Tài chính về việc sử dụng nguồn tăng thu ngân sách địa phương năm 2023.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi ngân sách trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm công tác công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ. Chủ động điều hành chi NSNN trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, hướng dẫn các cơ quan, các huyện thành phố chủ động sắp xếp bố trí các khoản chi theo dự toán đã được giao, bổ sung dự toán kịp thời đáp ứng các nhiệm vụ đột xuất phát sinh và những nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương.

- Chỉ đạo triển khai các biện pháp khắc phục nhanh hậu quả do bão số 3 và mưa lũ sau bão, ổn định đời sống nhân dân, khôi phục sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội. Chủ động, tích cực huy động tối đa các nguồn lực của địa phương (ngân sách địa phương, quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn lực hợp pháp khác) để triển khai ngay các chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng bị thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức kiểm tra thực địa, xác định mức độ nguy hiểm tại các khu vực mới phát sinh nguy cơ sạt lở cao, nhất là các vị trí ảnh hưởng đến khu dân cư, trường học, trụ sở cơ quan...để triển khai các

biện pháp phòng, tránh, ứng phó kịp thời. Tập trung hỗ trợ khắc phục nhanh đối với thiệt hại về nhà ở của nhân dân, đảm bảo các hoạt động đời sống, xã hội được ổn định. Rà soát, triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng bị tác động do mưa lũ sau bão, bảo đảm đúng quy định, công bằng, công khai, minh bạch. Trong đó tập trung hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho các hộ có nguy cơ thiếu đói, hỗ trợ sửa chữa nhà cửa bị hư hại do mưa lũ sau bão, hỗ trợ tái định cư đối với các hộ bị mất nhà cửa.

Chỉ đạo các địa phương, đơn vị đẩy mạnh khôi phục sản xuất nông nghiệp sau bão số 3. Triển khai đồng bộ các biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục sản xuất nông nghiệp, chủ động rà soát kế hoạch sản xuất, cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi, tổ chức sản xuất theo hướng linh hoạt, hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu. Theo dõi sát tình hình, diễn biến nguồn cung, giá cả các mặt hàng nông sản, kịp thời triển khai các biện pháp điều tiết lưu thông hàng hoá, bảo đảm nguồn cung, kiểm soát giá cả, không để xảy ra tình trạng đầu cơ, găm hàng, thao túng đẩy giá, tiêu thụ hàng giả, hàng kém chất lượng, lợi dụng thiên tai, bão lũ để trục lợi. Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính, miễn, giảm, gia hạn thuế, tiền thuê đất...đối với các địa phương, đối tượng bị ảnh hưởng, thiệt hại do bão, lũ, nhất là sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn thu phí được khấu trừ để lại, nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ được giao đầu năm 2024 để chi thường xuyên theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024, với tổng số kinh phí tiết kiệm được là 49.197 triệu đồng (*trong đó: cấp tỉnh 17.207 triệu đồng, cấp huyện 31.990 triệu đồng*).

- Các giải pháp về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương để thực hiện một số dự án quan trọng về việc tiết kiệm chi thường xuyên, dành nguồn để tăng chi đầu tư phát triển để thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp tài sản công, cơ sở hạ tầng, giao thông nông thôn được triển khai có hiệu quả.

- Tham mưu HĐND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn theo thẩm quyền. Chỉ đạo các ngành được giao chủ trì triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, các nội dung quy định chi tiết trong Luật Đất đai và các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, văn bản hướng dẫn thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG), Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã được đầu tư xây dựng.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra đánh giá, giám sát cơ sở, kịp thời nắm bắt và từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện đối với từng nội dung, dự án, nhằm thực hiện có hiệu quả 03 Chương trình (MTQG) trên địa bàn tỉnh.

Dự kiến thực hiện năm 2024 giải ngân tổng 03 Chương trình MTQG đạt 72% so với kế hoạch (trong đó: vốn đầu tư ước đạt 95%, vốn sự nghiệp ước đạt 55%). Cụ thể như sau: Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 67% so với kế hoạch (vốn đầu tư 94%, vốn sự nghiệp 50%); Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt 88% so với kế hoạch (vốn đầu tư 97%, vốn sự nghiệp 65%); Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đạt 81% (vốn đầu tư 95%, vốn sự nghiệp 68%).

- Công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn về chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực được phân công, phụ trách; từng bước góp phần chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Kịp thời đôn đốc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, Kiểm toán Nhà nước góp phần tăng tỷ lệ hoàn thành các kết luận.

- Nguồn dự phòng ngân sách năm 2024 bố trí 188,353 tỷ đồng, trong đó: cấp tỉnh 69,3 tỷ đồng, cấp huyện 119,053 tỷ đồng. Để xử lý các nhiệm vụ đột xuất như phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là khắc phục những thiệt hại nặng nề của hoàn lưu của Bão số 3 và các đợt mưa lũ xảy ra trong năm; ngoài ra bố trí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất về an ninh, quốc phòng, nhiệm vụ biên giới, an sinh xã hội và nhiệm vụ đột xuất theo quy định của Luật NSNN.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

- Tình hình giao bổ sung dự toán theo quy định: sau khi có ý kiến nhất trí của Thường trực HĐND tỉnh đối với các nội dung phát sinh, UBND tỉnh đã giao bổ sung dự toán chi cho các đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ chi, như: tiền lương mới, các chế độ chính sách và các nhiệm vụ phát sinh, với tổng số tiền 814,436 tỷ đồng, trong đó: cấp tỉnh 329,869 tỷ đồng, cấp huyện 484,567 tỷ đồng.

- Kiểm soát nợ chính quyền địa phương chặt chẽ, đúng quy định, thực hiện trả nợ các khoản vay đúng quy định, đảm bảo thời gian theo cam kết và trong khả năng ngân sách nhà nước của tỉnh hàng năm.

Tình hình thực hiện vay, trả nợ năm 2024 như sau: hạn mức dư nợ vay của tỉnh 215,234 tỷ đồng. Đến 31/10/2024, số dư nợ vay đầu năm là 232,832 tỷ đồng, số vay 10 tháng đầu năm là 1,771 tỷ đồng, số trả nợ 10 tháng đầu năm là 38,533 tỷ đồng, trong đó trả nợ gốc là 34,778 tỷ đồng, trả nợ lãi là 3,755 tỷ đồng, tổng dư nợ đến hết 31/10/2024 là 199,825 tỷ đồng

(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo)

Ước thực hiện vay và trả nợ năm 2024: số dư nợ vay đầu năm 232,832 tỷ đồng; số vay trong năm 4,055 tỷ đồng; Số trả nợ gốc vay 39,108 tỷ đồng; số dư nợ gốc vay cuối năm 197,779 tỷ đồng.

- Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản: giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 tiếp tục được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, góp phần quan trọng vào

việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 1602/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành các Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 cho các chủ đầu tư, Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

Việc phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được thực hiện trên cơ sở tuân thủ điều kiện, thủ tục, thứ tự ưu tiên bố trí vốn quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Chỉ đạo cơ quan Tài chính chủ động nhập nguồn trên hệ thống TABMIS kịp thời đối với các nguồn vốn giao trong năm; riêng dự toán chi xây dựng cơ bản từ nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện theo tiến độ thu ngân sách. Các chủ đầu tư, đơn vị trên cơ sở Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch và cơ chế điều hành của UBND tỉnh đã chủ động phân bổ chi tiết các nguồn vốn được phân cấp, đẩy nhanh các thủ tục đầu tư, tiến độ thi công các công trình dự án.

- Tình hình giao, bổ sung, phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công trong năm 2024: Tổng vốn đầu tư công của tỉnh là 6.167.885 triệu đồng, gồm:

+ Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 1.318.178 triệu đồng.

+ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là 4.849.707 triệu đồng, trong đó:

(1) Vốn ngân sách Nhà nước được Thủ Tướng Chính phủ giao (tại Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023) là 3.578.710 triệu đồng.

(2) Vốn UBND tỉnh giao bổ sung ngoài Quyết định của Thủ Tướng Chính phủ là 1.124.053 triệu đồng.

(3) Vốn UBND huyện, thành phố giao bổ sung là 146.944 triệu đồng.

+ Tình hình phân bổ, chưa phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024:

Vốn đầu tư công đã phân bổ, giao là 4.685.033/4.849.707 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch, bao gồm: cân đối NSDP là 1.011.481 triệu đồng; NSTW là 2.549.179 triệu đồng; NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác (tính bố trí) là 977.429 triệu đồng; nguồn vốn do Ngân sách huyện, thành phố giao bổ sung là 146.944 triệu đồng.

Số vốn còn lại chưa phân bổ là 164.674/4.849.707 triệu đồng, bằng 3% kế hoạch, bao gồm: Vốn nước ngoài (ODA) là 18.050 triệu đồng; vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ là 1.524 triệu đồng; nguồn tăng thu NSDP (bao gồm sử dụng đất) là 128.000 triệu đồng; nguồn thu hợp pháp là 17.100 triệu đồng.

Lý do chưa phân bổ:

(1) Đối với Vốn nước ngoài (ODA) 18.050 triệu đồng: đã phân bổ 23.180

triệu đồng, còn lại 18.050 triệu đồng chưa phân bổ do vượt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

(2) Đối với vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ 1.524 triệu đồng: số vốn này theo tỷ lệ của vốn ODA cấp phát từ NSTW;

(3) Đối với nguồn tăng thu NSDP (bao gồm sử dụng đất) là 128.000 triệu đồng; nguồn thu hợp pháp là 17.100 triệu đồng: căn cứ vào tình hình thu trong năm 2024.

+ Kết quả giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 31/10/2024:

Kết quả giải ngân Kế hoạch vốn năm 2024 là 1.976,312 tỷ đồng (*trong đó: giải ngân thuộc kế hoạch vốn Thủ tướng giao là 1.592,979 tỷ đồng; giải ngân thuộc kế hoạch vốn tỉnh bổ sung là 383,333 tỷ đồng*), đạt 45% theo Quyết định của Thủ tướng giao; đạt 41% vốn đã giao theo Nghị quyết đầu tư công HĐND tỉnh và các huyện, thành phố giao bổ sung.

Kết quả giải ngân Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 557,862 tỷ đồng, đạt 42,32% KH.

* Ước thực hiện năm 2024:

Ước giải ngân KH vốn năm 2024 là 4.452,132 tỷ đồng (*trong đó: giải ngân thuộc kế hoạch vốn Thủ tướng giao là 3.400,843 tỷ đồng; giải ngân thuộc kế hoạch vốn tỉnh bổ sung là 1.051,289 tỷ đồng*), đạt 95% theo Quyết định của Thủ tướng giao; đạt 95% theo Nghị quyết đầu tư công HĐND tỉnh giao.

Kết quả giải ngân Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 là 1.252,685 tỷ đồng, đạt 95% KH.

- Một số khó khăn vướng mắc trong thực hiện dự toán chi NSDP: công tác triển khai thực hiện dự toán NSNN tiến độ còn tương đối chậm, trong đó việc thực hiện nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, giải ngân vốn đầu tư công còn nhiều vướng mắc.

Tỷ lệ giải ngân Chương trình MTQG còn chậm do một số tồn tại, hạn chế, nguyên nhân mang tính cố hữu, kéo dài nhiều năm, chưa được khắc phục triệt để như: nhiều nội dung mới trong việc thực hiện các Chương trình, tuy nhiên văn bản hướng dẫn để thực hiện chương trình từ các Bộ, Ngành Trung ương một số nội dung còn thiếu hoặc chưa đồng bộ, chưa kịp thời; một số bất cập của địa phương kiến nghị trung ương chưa được giải quyết; công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một số cấp uỷ, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt, một số nơi còn lúng túng trong thực hiện; bộ máy quản lý triển khai chương trình ở cơ sở nhiều nơi vẫn còn hạn chế, chưa có kinh nghiệm, chưa đáp ứng được yêu cầu; trách nhiệm của một số sở, ngành, địa phương còn chậm trong tham mưu đề xuất, thiếu chủ động trong công tác tham mưu và phối hợp; các đơn vị, địa phương chưa làm tốt công tác rà soát nhu cầu từng dự án nên điều chỉnh chưa sát, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh vốn nhiều lần, thậm chí xin trả lại vốn do không có đối tượng để thực hiện.

Khó khăn trong thực hiện Dự án trọng điểm Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc

Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư như: (1) một số địa phương chưa hoàn thành các khu tái định cư, ảnh hưởng đến việc bố trí tái định cư đối với các hộ bị mất đất ở phải bố trí tái định cư; (2) ranh giới GPMB có sự cập nhật, thay đổi so với ranh giới GPMB theo hồ sơ bước nghiên cứu khả thi được duyệt dẫn đến một số vị trí đã GPMB xong nay phải GPMB bổ sung; phải điều chỉnh diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng đã được phê duyệt; (3) khó khăn trong việc thực hiện di dời công trình hạ tầng kỹ thuật hạng mục đường điện 110kV, 35kV, 0,4kV và trạm biến áp phục vụ giải phóng mặt bằng dự án; (4) vướng mắc trong thu hồi đất làm các vị trí bãi chứa đất đá dư thừa của dự án...

Một số dự án vướng mắc thủ tục chuyển đổi mục đích rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp; các thủ tục này mất nhiều thời gian, liên quan đến nhiều bộ, ngành.

Năng lực cán bộ ở cấp cơ sở còn hạn chế, chưa đồng đều nên việc triển khai thực hiện ở cấp cơ sở còn khó khăn, chậm tiến độ. Trách nhiệm của một số cán bộ, công chức chưa cao, chưa chủ động đề tháo gỡ các vấn đề còn vướng mắc.

Ảnh hưởng thiên tai, lũ lụt, sạt lở tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt là bão số 3 đã gây thiệt hại nghiêm trọng, nặng nề, ảnh hưởng lớn đến đời sống, vật chất, tinh thần của nhân dân, hoạt động giao thông và sản xuất kinh doanh tại các huyện và thành phố, do đó đã ảnh hưởng trực tiếp tiến độ thi công của nhà thầu, giải ngân vốn đầu tư công của các dự án.

Ngoài ra, một số dự án sử dụng nguồn thu sử dụng đất nên sẽ phụ thuộc vào nguồn thu thực tế để bố trí vốn cho dự án.

3.3. Về công tác quản lý thị trường, giá cả

Thực hiện tốt công tác quản lý giá, phí lệ phí. Tham mưu kịp thời việc triển khai Luật, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định về Luật Giá, Luật Phí, Lệ phí.

Tập trung theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả hàng hoá trên thị trường nhất là hàng hoá thiết yếu như lương thực, thực phẩm, nông sản, dịch vụ vận tải... đảm bảo đáp ứng đủ hàng hoá, dịch vụ cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn. Không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá làm mất ổn định thị trường giá cả hàng hóa và dịch vụ.

Chú trọng chỉ đạo tăng cường các hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc kê khai giá, niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết đối với các đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các đơn vị sản xuất kinh doanh, các nhà phân phối bán đúng giá niêm yết, chấp hành các quy định của Luật giá.

3.4. Công tác kiểm tra, thanh tra, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính

Công tác kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN được tăng cường thực hiện nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chuẩn mực kế toán

hiện hành và yêu cầu quản lý theo Luật Ngân sách nhà nước; công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đã được triển khai đồng bộ; tăng cường phối hợp chặt chẽ các lực lượng chức năng nắm tình hình địa bàn, đẩy mạnh thực hiện các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát, xác lập đấu tranh thành công nhiều chuyên án, bắt giữ, xử lý nhiều vụ việc buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống thất thu ngân sách nhà nước.

Chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, góp phần tăng thu, giảm chi ngân sách, hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính, tài sản công theo các kiến nghị. Thành lập đoàn kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trên địa bàn qua đó đôn đốc, quán triệt các đơn vị thực hiện dứt điểm các kiến nghị và có giải pháp xử lý quyết liệt đối với các kiến nghị còn tồn bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách. Giảm thiểu các vi phạm chế độ, chính sách, nâng cao trách nhiệm tập thể, cá nhân góp phần tích cực vào việc phòng, ngừa tham nhũng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và minh bạch sử dụng ngân sách.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 ban hành theo Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 06/12/2021, Chương trình tổng thể của tỉnh Cao Bằng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 ban hành theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 và các văn bản chỉ đạo của trung ương và địa phương. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra các khoản chi ngân sách với nhiều lĩnh vực, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm nguyên tắc tài chính của đơn vị.

Nhìn chung năm 2024, mặc dù chịu nhiều tác động bất lợi, khó khăn, thách thức, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của UBND tỉnh, cùng sự nỗ lực phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự đồng lòng các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp khắc phục những khó khăn, điều hành thu chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, chủ động linh hoạt, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội của địa phương.

(Chi tiết tại Biểu số 05,06,07 kèm theo)

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NĂM 2025

1. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh

tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT- BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027. Trên cơ sở thực hiện Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, thời kỳ ổn định 2022-2025; Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022-2025. UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chức năng xây dựng dự toán NSNN năm 2025 theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2025 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán. Đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong năm 2025, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án đã được phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác. Các Sở, ban, ngành, các huyện thành phố rà soát tổng thể các chế độ, chính sách, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội, yêu cầu các đơn vị chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách.

2. Nhiệm vụ giải pháp triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2025

Năm 2025, là năm cuối thực hiện các mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, là năm củng cố nền tảng góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như tình hình diễn biến khó lường của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu...

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện năm 2024, dự kiến tình hình kinh tế - xã hội năm 2025, căn cứ dự toán thu ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, tổng hợp các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, trình HĐND tỉnh quyết định tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 2.089 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa là 1.399 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 690 tỷ đồng.

Để phát huy các kết quả đã đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ tài chính NSNN năm 2024, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo, UBND tỉnh đề nghị các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo, thực hiện các giải pháp sau:

(1) Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, UBND các cấp, tăng cường giám sát của HĐND các cấp đối với hoạt động thu ngân sách nhà

nước và hiệu quả hoạt động của các sở, ban, ngành trong công tác phối hợp quản lý thu. Đẩy mạnh hoạt động của Ban Chỉ đạo chống thất thu ngân sách và đôn đốc thu hồi nợ đọng tỉnh, tăng cường chỉ đạo và đôn đốc thu nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật, tham mưu cấp có thẩm quyền kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm về thuế và chây ỳ nợ thuế.

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính, HĐND tỉnh giao, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tình hình thực tế và dự kiến khả năng của từng nguồn thu. Triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp thực hiện nhiệm vụ công tác thuế, quản lý chặt chẽ các nguồn thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách, giảm thiểu nợ đọng thuế. Theo dõi chặt chẽ, nắm bắt tình hình thu Ngân sách nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc người nộp thuế kê khai, nộp các loại thuế theo quy định. Thực hiện tốt công tác tổng hợp, phân tích, đánh giá tiến độ thực hiện dự toán và dự báo thu Ngân sách nhà nước.

Thường xuyên rà soát, đánh giá đề ra các giải pháp để tăng cường quản lý nguồn thu; đôn đốc thu kịp thời những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu. Chỉ đạo các sở, ngành, phòng, ban phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với cơ quan thuế nhằm thực hiện tốt công tác quản lý nguồn thu, khai thác nguồn thu còn tiềm năng để tăng thu ngân sách; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp mới hiệu quả, thiết thực để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy cơ chế hợp tác công - tư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tạo môi trường thuận lợi giúp doanh nghiệp phát triển bền vững, thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa từ đó góp phần tạo nguồn thu bền vững cho địa phương.

Chủ động triển khai, đồng thời phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan chức năng để thực hiện đồng bộ các biện pháp chống thất thu, khai thác tăng thu, đặc biệt từ lĩnh vực đất đai (*thu từ chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất*), thuế xây dựng cơ bản vãng lai, hoạt động vận tải; kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; thương mại điện tử; các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế, xử lý thu hồi nợ thuế tại các lĩnh vực hoạt động khoáng sản, xây dựng cơ bản,.... Tăng cường đẩy nhanh tiến độ thực hiện đấu giá cấp quyền sử dụng đất, để chống thất thu thuế hộ, cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp ngoài quốc doanh,...

Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý thu, từ khâu tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, quản lý mã số thuế, kiểm soát kê khai thuế, tăng cường thanh tra kiểm tra thuế, quyết liệt thực hiện các biện pháp đôn đốc thu hồi và cưỡng chế nợ thuế, nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tập trung các nguồn thu vào ngân sách nhà nước.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để ban hành thông báo tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản kịp thời. Ban hành giá tính lệ phí trước bạ đối với phương tiện kịp thời, sát với giá trị giao dịch thực tế trên thị trường.

Nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế, giám sát sự tuân thủ của người nộp thuế trên cơ sở ứng dụng tối đa các phần mềm hỗ trợ, đổi mới phương thức làm việc để nâng cao hơn hiệu quả trong công tác thanh tra, kiểm tra. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp theo

đúng chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế. Xử lý nghiêm các trường hợp người nộp thuế vi phạm pháp luật thuế; giải quyết chính xác, kịp thời các trường hợp khiếu nại, tố cáo về thuế của người nộp thuế.

Theo dõi chặt chẽ biến động các khoản nợ; đánh giá, phân loại nợ theo đúng nhóm nợ, tính chất nợ theo từng thời điểm trong năm, từ đó áp dụng các biện pháp quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế phù hợp, hiệu quả. Thực hiện tốt việc quản lý nợ trên hệ thống Quản lý thuế tập trung. Tiếp tục thực hiện đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp nợ thuế dây dưa kéo dài theo quy định Luật Quản lý Thuế. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan thực hiện tốt kế hoạch thu hồi, xử lý nợ đọng theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo chống thất thu Ngân sách tỉnh.

Tăng cường chống thất thu qua công tác kiểm soát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra, kiểm tra, đẩy mạnh công tác kiểm tra trị giá, mã trong thông quan, tập trung rà soát, đánh giá phân tích thông qua Hệ thống GTT02, hệ thống trực ban trực tuyến và các hệ thống công nghệ thông tin đối các mặt hàng có rủi ro cao gian lận, giả mạo xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp, khai sai mã số, khai ngụy trang tên hàng hoặc khai tên hàng không rõ ràng, đầy đủ, đặc biệt là các mặt hàng nhập khẩu có điều kiện, các lô hàng vận chuyển độc lập, hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh và hàng hóa đưa về bảo quản chờ thông quan.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức. Đặc biệt nêu cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan Thuế các cấp trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ, quản lý cán bộ, công chức. Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện tốt pháp luật phòng, chống tham nhũng và nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng của đơn vị đề ra. Gắn công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo với phòng, chống tham nhũng.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện Chính phủ số nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cấp sở, ngành, huyện, thành phố. Duy trì an ninh mạng, cài đặt, nâng cấp kịp thời các ứng dụng đảm bảo công tác theo dõi, tổng hợp số liệu, khai thác dữ liệu tạo thuận lợi cho công chỉ đạo, điều hành. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục thuế, hải quan, quản lý hải quan và thu thuế hiệu quả, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, du lịch và vận tải hợp pháp qua biên giới. Tạo môi trường thân thiện, minh bạch công bằng và nhất quán, nâng cao chỉ số giao dịch thương mại qua biên giới, thích ứng với sự thay đổi của chuỗi cung ứng thương mại toàn cầu.

(2) Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN năm 2025 chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN; các cơ quan, đơn vị, các địa phương quán triệt triển khai thực hiện tốt Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025.

Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Chủ động sắp xếp chi thường xuyên, bảo đảm nguồn

lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các khoản chi cho con người theo chế độ; ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng của địa phương như khắc phục hậu quả thiên tai và dịch bệnh khác; thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh.

Thực hiện cắt giảm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; đi nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; đẩy mạnh việc thực hiện khoán sử dụng xe công; tập trung dành nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phòng chống khắc phục thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội, các nhiệm vụ cấp bách khác.

Chỉ đạo, quán triệt nguyên tắc chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo. Thực hiện tiết kiệm các khoản chi ngân sách, huy động, lồng ghép các nguồn vốn ngân sách khác để bổ sung nguồn lực đảm bảo thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh đã ban hành.

Tiếp tục triển khai thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh về các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tập trung thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành và các địa phương, xác định rõ vướng mắc, chỉ rõ nguyên nhân để tìm giải pháp giải quyết dứt điểm. Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp tỉnh, huyện tăng cường rà soát, kiểm tra, đôn đốc để chỉ đạo quyết liệt từng mục tiêu theo nhiệm vụ đã được phân công và xây dựng kế hoạch kiểm tra tại các đơn vị, địa phương.

Kiểm soát nợ chính quyền địa phương chặt chẽ theo quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Tăng cường công tác kiểm soát chi qua Kho bạc nhà nước, thực hiện đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức nhà nước quy định.

(3) Đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, kiên quyết cắt giảm thủ tục không cần thiết, giao dự toán, giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; tiếp tục rà soát, kiên quyết loại bỏ những dự án kém hiệu quả, dự án chưa thật sự cần thiết, ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững; thực hiện tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, bảo đảm phù hợp với thực tế, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư chủ động xây dựng kế hoạch giải ngân theo từng tháng, quý; phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiên đội thực hiện và giải ngân từng dự án theo kế hoạch đề ra, gắn với trách nhiệm, lãnh đạo, tổ chức, cá nhân với kết quả giải ngân của từng dự án, nhất là người đứng đầu các đơn vị, địa phương. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành liên quan trong công tác xây dựng và giải ngân kế hoạch đầu tư công. Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi

phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch.

(4) Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để góp phần chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng, phát huy nguồn lực nhằm tái tạo tài sản và phát triển kinh tế - xã hội, giảm thiểu rủi ro tài khóa; thực hiện mua sắm tài sản công đúng theo quy định; Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

Các ngành, các đơn vị có liên quan tăng cường phối hợp, chủ động trong việc kiểm tra, kiểm soát việc kê khai giá, niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết đối với các đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh. Yêu cầu các đơn vị sản xuất kinh doanh, các nhà phân phối bán đúng giá niêm yết, chấp hành các quy định của Luật giá. Đồng thời chủ động theo dõi nắm bắt diễn biến giá cả thị trường, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá làm mất ổn định thị trường giá cả hàng hóa và dịch vụ.

(5) Thực hiện quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đảm bảo theo đúng quy định Nghị quyết số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và nghị quyết của HĐND tỉnh.

(6) Trên cơ sở quy hoạch xây dựng, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, việc bán đấu giá quyền sử dụng đất cần khẩn trương triển khai thực hiện để bán đấu giá các cơ sở nhà, đất đảm bảo đúng kế hoạch đã đề ra. Tập trung giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các khoản thu từ đất đai để hoàn thành dự toán giao.

UBND các huyện, thành phố (nơi có các địa chỉ nhà, đất bán theo kế hoạch) khẩn trương lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch các cơ sở nhà, đất từ đất trụ sở cơ quan sang đất ở (hoặc đất thương mại dịch vụ) gửi Sở Xây dựng thẩm định, đồng thời bổ sung lập kế hoạch sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định; trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh quy hoạch, bổ sung kế hoạch sử dụng đất. Trên cơ sở đó, cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao tổ chức bán đấu giá lập hồ sơ tài sản để tổ chức bán đấu giá theo quy định.

Các cơ quan, đơn vị được giao tổ chức bán đấu giá chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch chi tiết tổ chức bán đấu giá các cơ sở nhà, đất được giao, có cam kết thời gian hoàn thành theo từng nội dung như: điều chỉnh quy hoạch, bổ sung kế hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ tài sản tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định bán đấu giá, thuê tổ chức thẩm định giá xây dựng phương án giá khởi điểm trình UBND tỉnh xem xét ban hành, tổ chức bán đấu giá theo quy định...

(7) UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chức năng cấp huyện, các đơn vị, xã, phường, thị trấn tăng cường phối hợp công tác quản lý thu, kịp thời huy động các khoản thu vào ngân sách nhà nước, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, nhất là các khoản thu còn đạt thấp so dự toán được giao.

(8) Các ngành, các địa phương thực hiện công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung khác đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạch NSNN.

(9) Đẩy mạnh thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Cao Bằng và các văn bản chỉ đạo, báo cáo kết quả thực hiện đúng nội dung, thời gian quy định. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức. Đặc biệt nêu cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ. Gắn công tác kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo với phòng, chống tham nhũng.

Tăng cường công tác kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra quản lý tài chính ngân sách trên địa bàn gắn với việc thực hiện chống tham nhũng lãng phí; phát hiện và có biện pháp chấn chỉnh kịp thời các vấn đề còn sai phạm nhằm đưa công tác quản lý tài chính ngân sách ngày càng công khai, minh bạch, hiệu quả cao. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước, kiên quyết xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân chây ỳ, cố ý không thực hiện.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024, nhiệm vụ giải pháp thực hiện năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; CVTH;
- Lưu: VT, TH (HT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 3159 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán TU giao	Dự toán HỌND giao	Thực hiện đến hết 31/10/2024	Ước Thực hiện 2024	So sánh thực hiện			So sánh ước thực hiện		
						DT TU	DT HỌND	Cùng kỳ	DT TU	DT HỌND	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7	8	9	10
I	TỔNG THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN	1.768.500	1.918.000	2.090.470	2.292.000	118%	109%	133%	129,6%	119,5%	109%
	1. Thu nội địa	1.188.500	1.318.000	1.223.692	1.410.600	103%	93%	132%	118,7%	107,0%	108%
	- Ngành thuế thu	1.130.300	1.259.800	1.133.168	1.307.220	100%	90%	136%	116%	104%	110%
	<i>Trong đó: + Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>200.000</i>	<i>218.500</i>	<i>85.376</i>	<i>165.000</i>	<i>43%</i>	<i>39%</i>	<i>147%</i>	<i>83%</i>	<i>76%</i>	<i>229%</i>
	<i>+ Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, CTDV, tiện ích CC trong KVCK</i>	<i>8.000</i>	<i>8.000</i>	<i>5.193</i>	<i>6.000</i>	<i>65%</i>	<i>65%</i>	<i>88%</i>	<i>75%</i>	<i>75%</i>	<i>75%</i>
	<i>+ Thu xổ số kiến thiết</i>	<i>13.500</i>	<i>15.000</i>	<i>13.741</i>	<i>16.160</i>	<i>102%</i>	<i>92%</i>	<i>119%</i>	<i>120%</i>	<i>108%</i>	<i>108%</i>
	- Thu khác ngân sách	58.000	58.000	90.323	103.179	156%	156%	100%	178%	178%	87%
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	200	200	201	201				101%	101%	
	2. Thu các khoản huy động, đóng góp			31.400	31.400						
	3. Thu viện trợ			-							
	4. Thu cân đối từ hoạt động XNK	580.000	600.000	835.377	850.000	144%	139%	131%	147%	142%	113%
	- Tổng thu từ hoạt động XNK	580.000	600.000	835.377	850.000	144%	139%	131%	146,6%	141,7%	113%
	- Hoàn thuế GTGT*			-	-						
II	DỰ TOÁN CHI	13.344.711	13.473.547	7.813.336	14.512.000	58,6%	58,0%	133,1%	109%	108%	139%
	Trong đó										
	1. Chi đầu tư phát triển	3.578.710	3.578.710	1.976.312	4.452.132	55,2%	55,2%	155%	95%	95%	152%
	Vốn giao đầu năm	3.578.710	3.578.710	1.976.312	4.452.132	55%	55%	155%	95%	95%	152%
	2. Chi thường xuyên và mục tiêu sự nghiệp	9.571.748	9.571.748	5.831.969	9.865.346	61%	61%	127%	103%	103%	131%
	3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.300	1.300	1.300	1.300	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	4. Dự phòng ngân sách	188.353	188.353		188.353	0%	0%				
	5. Chi trả nợ lãi	4.600	4.600	3.755	4.869	82%	82%	173%	106%	106%	149%
	6. Chi từ nguồn vốn khác		128.836				0%				

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 8159 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên Huyện	Phần Thu									Phần Chi							
		Dự toán giao đầu năm	Trong đó	Tổng thu đến hết 31/10	Tổng số thu nội địa	Trong đó		Thu cân đối	So sánh số (%)			Dự toán giao đầu năm	Trong đó		Tổng số chi hết 31/10	Trong đó		So sánh
			Huyện hưởng (không tính tiền đất)			Ngành thuế thu	Thu biện pháp tài chính		TH/DT giao đầu năm	TH/Cùng Kỳ	Thu cân đối/DT giao đầu năm		Chi thường xuyên, mục tiêu và SN	Chi đầu tư và mục tiêu (thanh toán tại huyện)		Chi thường xuyên	Chi đầu tư và MT(thanh toán tại huyện)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	681.798	436.464	645.407	643.407	589.012	54.395	412.637	95%	125%	95%	8.504.658	6.862.141	1.642.517	5.136.286	4.285.561	850.725	60%
1	Thành phố	329.130	203.350	295.896	295.896	278.298	17.599	198.924	90%	127%	98%	506.181	439.713	66.468	327.747	307.911	19.836	65%
2	Hoà An	59.950	21.116	60.028	60.028	56.308	3.720	20.705	100%	129%	98%	734.983	599.592	135.391	434.773	381.318	53.455	59%
3	Quảng Hoà	47.133	28.370	47.210	47.210	41.900	5.310	32.508	100%	157%	115%	972.936	805.845	167.091	520.458	445.696	74.762	53%
4	Trùng Khánh	54.125	32.398	53.813	53.813	44.573	9.240	26.895	99%	128%	83%	1.051.188	862.491	188.697	634.505	525.257	109.247	60%
5	Thạch An	20.200	14.717	20.120	20.120	17.570	2.550	15.259	100%	102%	104%	662.911	520.245	142.666	441.845	337.368	104.477	67%
6	Nguyên Bình	18.620	15.314	24.638	24.638	21.929	2.709	18.377	132%	122%	120%	824.061	650.767	173.294	457.745	389.996	67.748	56%
7	Bảo Lạc	33.600	27.854	37.082	37.082	34.624	2.458	24.807	110%	150%	89%	984.535	762.796	221.739	607.696	476.674	131.023	62%
8	Bảo Lâm	74.660	62.122	58.432	58.432	55.306	3.126	46.478	78%	105%	75%	992.514	821.632	170.882	635.345	531.627	103.718	64%
9	Hà Quảng	19.330	15.748	30.497	28.497	25.374	3.124	17.310	158%	116%	110%	1.214.601	969.648	244.953	742.845	638.322	104.523	61%
10	Hạ Lang	25.050	15.475	17.690	17.690	13.129	4.560	11.374	71%	93%	73%	560.749	429.412	131.337	333.328	251.392	81.936	59%

Ghi chú: Số chi đầu tư giải ngân không bao gồm chuyển nguồn từ 2023-2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NĂM 2024 (ĐẾN NGÀY 31/10/2024)(Kèm theo Báo cáo số **3459** /BC-UBND ngày **18** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng) 

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Tổng huyện	Thành phố	Hoà An	Quảng Hoà	Trùng Khánh	Thạch An	Nguyên Bình	Bảo Lạc	Bảo Lâm	Hà Quảng	Hạ Lang
I	Nguồn dự phòng năm 2024	188.353	69.300	119.053	8.839	10.817	14.089	15.398	8.551	10.305	13.500	13.679	16.487	7.388
II	Số đã chi	130.819	67.221	63.598	4.786	1.502	4.900	2.530	1.749	5.939	12.469	12.429	14.919	2.375
1	Chi cứu đói, cứu hộ, cứu nạn, di dời các hộ dân, an sinh xã hội.	400		400							23	377		
2	Chi hỗ trợ do thiên tai gây gió lốc, mưa đá, hạn hán, hỏa hoạn, bão lũ	79.555	33.542	46.013	4.032	963	3.050	389	1	4.208	9.636	10.018	13.694	22
3	Chi ngăn chặn khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ rừng	380		380					19	361				
4	Chi phòng chống dịch bệnh, tiêu hủy gia súc, gia cầm, khử trùng tiêu độc, dịch châu chấu...	36.895	33.679	3.216	45	39	670	103	74	347	317	939	526	157
5	Chi an ninh, quốc phòng, diễn tập KVPT; hỗ trợ kinh phí đấu tranh xóa bỏ tổ chức bất hợp pháp...	13.588		13.588	709	500	1.180	2.037	1.656	1.023	2.492	1.095	699	2.196
III	Số chưa sử dụng	57.534	2.079	55.455	4.053	9.315	9.189	12.868	6.802	4.366	1.031	1.250	1.568	5.013

TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024

(Kèm theo Báo cáo số 3159 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dư nợ đầu năm	Vay trong kỳ	Trả nợ trong năm			Dư cuối kỳ	Ghi chú
				Gốc	Lãi/phí	Tổng		
	A	1	2	3	4	5	6 = (1+2-3)	7
	Tổng số	232.832	1.771	34.778	3.755	38.533	199.825	
I	Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-	-	-	-	
II	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi	-	-	-	-	-	-	
III	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	-	-	-	-	-	-	
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam	-	-	-	-	-	-	
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	-	-	-	-	-	-	
IV	Vay lại nguồn vay nước ngoài	232.832	1.771	34.778	3.755	38.533	199.825	
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, vay vốn WB	24.377		1.207	266	1.473	23.170	
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Cao Bằng, vay vốn WB	14.611		567	172	739	14.044	
3	Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP), vay vốn WB	18.581		1.672	395	2.068	16.909	
4	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ (CSSP)	58.686	1.771	18.909	652	19.561	41.547	
5	Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn; tiểu dự án tỉnh Cao Bằng (BIIG)	69.364		4.228	1.784	6.011	65.136	
6	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VIGL)	2.745		264	34	298	2.481	
7	Dự án năng lượng nông thôn II (REII)	44.468		7.930	452	8.382	36.538	
V	Vay các tổ chức khác	-	-	-	-	-	-	

Ghi chú:

- Số liệu vay trong năm theo báo cáo TABMIS đến thời điểm báo cáo.
- Số liệu dư đầu kỳ tại báo cáo này chênh lệch với số liệu vay tại hệ thống TABMIS là 870,533 triệu đồng do: Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Cao Bằng chưa ghi thu ghi chi nên tại hệ thống TABMIS.
- Số liệu vay trong kỳ tại báo cáo này chênh lệch với số liệu vay tại hệ thống TABMIS là 2.332,008691 triệu đồng do: trong năm Dự án BIIG rút vốn 2.850,964 triệu đồng, đã ghi thu ghi chi 518,955309 triệu đồng, chưa ghi thu ghi chi 2.332,008691 triệu đồng nên tại hệ thống TABMIS chưa hiển thị khoản tiền này.
- Dự án năng lượng nông thôn II (REII): Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã bàn giao toàn bộ tài sản và dư nợ của dự án cho Công ty Điện lực Cao Bằng quản lý, sử dụng và có trách nhiệm trả nợ. Thực tế Công ty Điện lực Cao Bằng đã thực hiện trả nợ từ năm 2015.

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 3159 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	13.508.547	13.648.276	139.729	101%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.205.006	1.262.924	57.918	105%
	Thu NSDP hưởng 100%	615.189	702.671	87.482	114%
	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	589.817	560.253	(29.564)	95%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.303.541	12.385.352	81.811	101%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	8.341.499	8.341.499	-	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3.962.042	4.043.853	81.811	102%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư		19.625		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.138.111		
B	TỔNG CHI NSDP	13.473.547	14.512.000	1.038.453	108%
I	Tổng chi cân đối NSDP	9.382.669	9.727.931	345.262	104%
1	Chi đầu tư phát triển	1.011.481	960.907	(50.574)	95%
2	Chi thường xuyên	8.176.935	8.572.502	395.567	105%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.600	4.869		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.300	1.300		100%
5	Dự phòng ngân sách	188.353	188.353		100%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu	3.962.042	4.784.069	822.027	121%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	2.492.374	2.328.491	(163.883)	93%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.469.668	2.455.578	985.910	167%
III	Chi từ nguồn tăng thu	128.836		(128.836)	0%
C	BỘI THU NSDP	35.000	35.000		100%

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	40.339	39.108	(1.231)	97%
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	4.100	4.055	(45)	99%
II	Từ nguồn bội thu NSDP, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	36.239	35.053	(1.186)	97%
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	4.100	4.055	(45)	99%
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc	4.100	4.055	(45)	99%
G	THU TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY CỦA NHÀ NƯỚC (nguồn các chủ DA phải trả)	13.844	12.151	(1.693)	88%
H	GHI THU, GHI CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	12.056	7.825	(4.231)	65%
I	Thu, chi viện trợ	4.340		(4.340)	0%
II	Thu, chi từ nguồn hạch toán tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với số tiền nhà đầu tư đã ứng trước đối trừ vào tiền thuê đất	7.716	7.825	109	101%
I	THU, CHI TỪ NGUỒN THU HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	39.100	39.100		

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 3159 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	1.918.000	1.205.006	2.260.600	1.262.924	118	105
I	Thu nội địa	1.318.000	1.205.006	1.410.600	1.262.924	107	105
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	143.000	143.000	100.115	100.115	70	70
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.055	5.055	5.240	5.240	104	104
	- Thuế tài nguyên	7.800	7.800	8.835	8.835	113	113
	- Thuế giá trị gia tăng	130.145	130.145	86.040	86.040	66	66
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế môn bài						
	- Thu khác						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	73.500	73.500	60.550	60.550	82	82
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.000	18.000	15.300	15.300	85	85
	- Thuế tài nguyên	19.500	19.500	12.015	12.015	62	62
	- Thuế giá trị gia tăng	36.000	36.000	33.235	33.235	92	92
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế môn bài						
	- Thu khác						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	450	450	1.200	1.200	267	267
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			837	837		
	- Thuế tài nguyên						
	- Thuế về khí thiên nhiên						
	- Thuế giá trị gia tăng	420	420	363	363	86	86
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	30				
	- Thuế môn bài						
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước						
	- Thu khác						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	408.055	408.055	516.330	516.330	127	127
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.000	48.000	68.597	68.597	143	143
	- Thuế tài nguyên	125.388	125.388	224.382	224.382	179	179
	- Thuế giá trị gia tăng	233.288	233.288	221.692	221.692	95	95
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.379	1.379	1.659	1.659	120	120
	- Thuế môn bài						
	- Thu khác						

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện năm 2024		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
5	Thuế thu nhập cá nhân	69.500	69.500	76.290	76.290	110	110
6	Thuế bảo vệ môi trường	80.000	48.000	85.000	51.000	106	106
	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước</i>	48.000	48.000	51.000	51.000	106	106
	<i>Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	32.000		34.000		106	
7	Lệ phí trước bạ	68.600	68.600	79.750	79.750	116	116
8	Thu phí, lệ phí	87.600	83.100	106.750	100.750	122	121
	- Phí và lệ phí trung ương	4.500		6.000		133	
	- Phí và lệ phí địa phương	83.100	83.100	100.750	100.750	121	121
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000	2.000	2.270	2.270	114	114
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	41.900	41.900	32.259	32.259	77	77
12	Thu tiền sử dụng đất	218.500	218.500	165.000	165.000	76	76
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	895	895	895	895	100	100
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	15.000	15.000	16.160	16.160	108	108
	- Thuế giá trị gia tăng	3.825	3.825	6.618	6.618	173	173
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	71	71	108	108	152	152
	- Thu từ thu nhập sau thuế	9	9	298	298	3335	3335
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.103	5.103	9.136	9.136	179	179
	- Thuế môn bài						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	44.800	18.306	59.372	29.875	133	163
16	Thu khác ngân sách	58.000	8.000	103.179	25.000	178	313
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	200	201	201	101	101
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức	3.000	3.000	1.412	1.412	47	47
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	3.000	3.000	3.867	3.867	129	129
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	600.000		850.000		142	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	190.000		284.040		149	
2	Thuế xuất khẩu	309.000		310.000		100	
3	Thuế nhập khẩu	99.204		252.300		254	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	945		2.388		253	
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	11		11		100	
6	Thu khác	840		1.261		150	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 3159 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	13.473.547	14.512.000	1.038.453	108%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.382.669	9.727.931	344.993	104%
I	Chi đầu tư phát triển	1.011.481	960.907	(50.574)	95%
1	Chi đầu tư cho các dự án	946.623	916.733	(223.359)	76%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>				
	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	8.226	6.702	20.960	355%
	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	300	300	221	174%
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>				
	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	160.746	138.530	(73.202)	54%
	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	13.500	11.976	6	100%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	36.958	15.774	(30.658)	17%
3	Chi đầu tư phát triển khác	27.900	28.400	(15.301)	45%
II	Chi thường xuyên	8.176.935	8.572.502	395.567	105%
	<i>Trong đó:</i>				
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	3.521.951	3.521.951		100%
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	23.934	21.824	(2.110)	91%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.600	4.869		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.300	1.300		100%
V	Dự phòng ngân sách	188.353	188.353		100%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.962.042	4.784.069	822.027	121%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	2.492.374	2.328.491	(163.883)	93%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.469.668	2.455.578	985.910	167%
C	Chi từ nguồn tăng thu	128.836		(128.836)	0%